

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Sau đây gọi là Chiến lược), UBND tỉnh Quảng Trị ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển, nhiệm vụ, giải pháp; đề xuất các cơ chế chính sách, chương trình, đề án trọng điểm; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược, đảm bảo đồng bộ, kịp thời, thống nhất, chất lượng và hiệu quả.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm; huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của doanh nghiệp và sự đồng thuận, chủ động, quyết tâm người dân; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát các nội dung tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đầy đủ các nội dung; cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược đến các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện.

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đúng thời hạn, chất lượng và hiệu quả.

Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Chiến lược và Kế hoạch hành động này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể; đồng thời, tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng, giải pháp đã đặt ra. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện

đại, bền vững, sản xuất hàng hoá; có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài; góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính. Không ngừng nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò vị thế của người dân nông thôn; phát triển đa dạng sinh kế, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn; đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng miền. Xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, hiện đại, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ tiệm cận đô thị; môi trường sống tốt đẹp, an toàn; xã hội nông thôn giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 từ 3 - 3,5; Giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 2,5 - 3%.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 49,0%; Diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững từ 25.000 -30.000ha.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn từ 65% trở lên.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân hàng năm từ 1 - 1,5%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85 - 90%, trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

- Phân đầu có thêm 5 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Người dân nông thôn có điều kiện phát triển toàn diện. Nông thôn thịnh vượng, không còn ai bị bỏ lại phía sau, trở thành nơi đáng sống, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống và thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai Chiến lược

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức quán triệt, phổ biến các nội dung của Chiến lược, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước; về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới; về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; tập trung vào các nội dung gồm: phát triển nền nông nghiệp bền vững (hữu cơ, sinh thái), nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp có trách nhiệm; thay đổi tư duy, nhận thức của người sản xuất từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; phát triển bao trùm, đa giá trị gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; giữa nông thôn với đô thị; giữa hộ nông dân với doanh nghiệp; giữa chuỗi giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu...

- Đổi mới hình thức tuyên truyền nhằm tăng khả năng tiếp cận của cán bộ, người dân, doanh nghiệp, thông qua các chuyên đề, phóng sự, chuyên mục, chuyên trang; xây dựng mô hình trình diễn; hình thành lực lượng tư vấn có chất lượng; xây dựng tài liệu, giáo trình.... để từng bước chuyển đổi tư duy một cách có hiệu quả nhất.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nông nghiệp, nông thôn

- Kịp thời cụ thể hóa, bố trí nguồn lực và lồng ghép, thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của địa phương đã được ban hành đang còn hiệu lực áp dụng cho giai đoạn tới.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, ban hành mới hệ thống cơ chế chính sách về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược đã đề ra, trong đó chú trọng các chính sách về đất đai, tín dụng, thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP....

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương trong thực hiện các chủ trương, cơ chế chính sách; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách đảm bảo quyền và lợi ích cho người dân, tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi nguồn lực của người dân và doanh nghiệp tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất

- Khuyến khích, vận động, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các chính sách hỗ trợ về vốn, khoa học công nghệ, thị trường, máy móc thiết bị, tích tụ đất đai... để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác, liên kết trong các chuỗi giá trị bền vững. Phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí, nâng cao giá trị nông sản.

- Xây dựng kế hoạch đổi mới và phát triển hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ; Khuyến khích hợp tác xã chủ động xây dựng chuỗi giá trị, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Xây dựng các liên hiệp các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030 có từ 70% HTX nông nghiệp đạt loại khá trở lên, có trên 40% HTX có

liên kết với doanh nghiệp thực hiện dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

- Phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng sản phẩm chủ lực của địa phương; kết nối các vùng chuyên canh, hình thành không gian kinh tế chung giữa các địa phương; gắn các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị. Phấn đấu đến năm 2030 có 7-10 chuỗi liên kết sản phẩm chủ lực của tỉnh thực sự bền vững.

- Thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới đáp ứng nhu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo); nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...).

- Nghiên cứu xây dựng các chương trình hỗ trợ, khuyến khích nông dân khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ đối với sản phẩm chủ lực có nguồn nguyên liệu đủ lớn. Đồng thời thu hút khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động.

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ đa dạng ở nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp, chuyển sang kinh doanh ngành nghề công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ; đổi mới sáng tạo và thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề bậc cao cho lao động nông nghiệp, nông thôn; đào tạo lực lượng lao động trẻ các kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, tập trung đào tạo “nông dân số”; đào tạo nghề Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp. Chú trọng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn và nội ngành nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn. Quan tâm đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu, chuyên ngành cho cán bộ quản lý ngành nông nghiệp và PTNT, hình thành đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực như: Ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, tiếp cận và ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng lần thứ tư.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ cho nông dân, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác giống, quy trình sản xuất, công nghệ sinh học, bảo quản, chế biến tinh sâu, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chứng nhận về an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn chất lượng, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng thương hiệu, chứng nhận sản phẩm OCOP cho sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Phát triển các mô hình nông lâm thủy sản kết hợp, mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông

ng nghiệp sinh thái. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, số hóa cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tích hợp với cơ sở dữ liệu tỉnh, quốc gia. Ứng dụng công nghệ số trong dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch. Tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác. Hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất nắm bắt thông tin, dự báo, điều chỉnh phương án sản xuất, kết nối thị trường, xúc tiến thương mại thông qua các phần mềm, nền tảng thương mại điện tử. Xây dựng và nhân rộng các mô hình làng thông minh, làng nông thuận thiên ứng dụng công nghệ số”.

- Đổi mới hoạt động khuyến nông; phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và hoạt động khuyến nông tại cơ sở theo hình thức khuyến nông cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo với chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thông qua xây dựng mô hình trình diễn và truyền thông, thông tin nhân rộng mô hình.

5. Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản

Kết nối, tổ chức cho doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện hình thành, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thực sự bền vững. Tổ chức các sàn giao dịch nông sản hàng hóa trực tuyến và trực tiếp gắn với vùng nguyên liệu và chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Kết nối với các chuỗi cung ứng nông sản, gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, có chính sách hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

- Tạo cơ hội, hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường, các hiệp định thương mại tự do để các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, đứt gãy chuỗi cung ứng.

Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu...).

6. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn, vùng sản xuất công nghệ cao. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu (phòng chống lũ, hạn, xói lở, nhiễm mặn...); bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả để tưới tiết kiệm nước.

- Đầu tư hệ thống cảng cá, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão, cơ sở hạ tầng dịch vụ nghề cá kết hợp với cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến thủy sản. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo thiên tai đến người dân và tàu thuyền hoạt động trên biển. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống thủy hải sản tập trung; hoạt động khảo nghiệm kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản; đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác chẩn đoán, giám sát chủ động dịch bệnh thú y, thủy sản.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển nhằm phòng, chống, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo năng lực cảnh báo, dự báo, khả năng chống chịu trước thiên tai. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, ưu tiên công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất. Đầu tư củng cố, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai nhất là hệ thống đê điều, công, đập ngăn lũ, ngăn mặn và triều cường. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xung yếu, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác.

- Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu cho những vùng khó khăn. Ưu tiên phát triển hạ tầng đường, điện, cấp nước cho các vùng sản xuất tập trung, vùng nông nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các đường tỉnh lộ hay quốc lộ kết nối không gian phát triển giữa các địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác thú y, kiểm dịch thực vật đảm bảo an toàn thực phẩm. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường (xử lý tái tạo nước thải, rác thải, tái sử dụng phế, phụ phẩm,...).

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tạo điều kiện hiện đại hóa nông thôn. Phát triển nền tảng

công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử.

7. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro

- Phát huy lợi thế của từng địa phương phát triển cảnh quan nông thôn xanh sạch đẹp, thân thiện, hài hòa với thiên nhiên gắn với làng sinh thái, thông minh. Nghiên cứu đề xuất định hướng, giải pháp phát triển du lịch cộng đồng gắn với sản xuất nông nghiệp ở những địa phương có tiềm năng, lợi thế. Định hướng phát triển không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu bằng các biện pháp canh tác thích nghi; áp dụng rộng rãi các biện pháp thân thiện với môi trường. Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh, hữu cơ, hạn chế việc thâm canh sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp. Quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng mới rừng tập trung theo hướng trồng rừng gỗ lớn, chu kỳ dài, có chứng chỉ quản lý rừng bền vững và bảo vệ tốt, đầu tư phát triển, làm giàu diện tích rừng tự nhiên hiện có để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để chủ động đối phó, khắc phục các các nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và phát triển nông thôn như các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (cúm gia cầm, dịch tả lợn châu Phi,...), các hiện tượng nguy hại (lũ ống, lũ quét, sạt lở đất vùng núi, sạt lở bờ sông...), các xu hướng diễn biến bất lợi (già hóa dân số, di cư tự do,...),... đảm bảo phát triển bền vững và nông nghiệp luôn là nền tảng đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế tỉnh nhà.

8. Hội nhập và hợp tác quốc tế

- Tích cực hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững.

- Tham gia các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

9. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống; phát huy dân chủ cơ sở; đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng vùng miền; bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, vì lợi ích của người dân. Tập trung nguồn lực đầu tư hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu, xã dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ cho các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”.

- Phát huy hiệu quả vai trò chủ thể, trọng tâm phát triển của người dân; tăng cường phát huy dân chủ, đảm bảo cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội cho người dân nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo. Bảo tồn và phát triển truyền thống văn hóa tốt đẹp. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng dân cư nông thôn nhằm huy động sức mạnh tổng hợp, tinh thần đoàn kết, sáng tạo trong sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội ở nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

10. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong nông nghiệp, nông thôn

- Kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý ngành nông nghiệp và PTNT theo hướng chuyên nghiệp, đạo đức, trách nhiệm. Thúc đẩy áp dụng công nghệ số vào công tác quản lý chỉ đạo điều hành. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức; tăng cường phân quyền, phân cấp cho địa phương. Thực hiện có hiệu quả và chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; phát triển đội ngũ chuyên gia ngành nông nghiệp. Hình thành cơ chế tư vấn, tăng cường đối thoại chính sách giữa đội ngũ chuyên gia, đại diện nông dân và doanh nghiệp với cơ quan quản lý ngành.

- Đổi mới tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng triệt để trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức, đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ công. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo can thiệp và tư vấn phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, hàng hóa, thị trường, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...

- Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã.

IV. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC (Phụ lục kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hằng năm và theo yêu cầu; Tham mưu sơ kết, tổng kết Kế hoạch hành động, Chiến lược vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện vào năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2030 và trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm, hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, lồng ghép kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị xây dựng, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp nông thôn hướng đến nền nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn, thông minh, chính xác.

Chủ trì phối hợp với các Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sản phẩm chủ lực của tỉnh.

5. Sở Công Thương

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành có liên quan tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy tiêu thụ nông sản theo chuỗi liên kết; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định, bền vững.

Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hóa nông, lâm, thủy sản. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, nhu cầu nhập khẩu các nước để định hướng cho sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản về các sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất. Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất quy mô lớn và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường trong khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tham mưu thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động về kỹ năng, trình độ phù hợp, bắt kịp công cuộc CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, thông tin trên địa bàn tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Chiến lược. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu ban hành cơ chế chính sách triển khai thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng xã thông minh.

Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

9. Sở Nội vụ

Phối hợp với các Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành, địa phương tiếp tục tham mưu đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã, thôn; tham mưu chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực nông nghiệp.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chương trình, kế hoạch, đề xuất cơ chế chính sách, nguồn lực về phát triển văn hóa nông thôn, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn; Phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm chủ lực, OCOP tại các điểm du lịch của tỉnh, phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Trị

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

12. Liên minh Hợp tác xã

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Chiến lược đến xã viên Hợp tác xã; tuyên truyền, vận động các HTX tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số theo đúng định hướng của Chiến lược. Cùng cố tổ chức hoạt động, nâng cao năng lực quản lý điều hành cho các Hợp tác xã, Liên hợp tác xã.

13. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý. Phối hợp thực hiện, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc để Kế hoạch hành động được thực hiện có hiệu quả.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

Chủ động, tham gia trong công tác truyền thông và vận động thành viên, hội viên, quần chúng Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; đồng thời lồng ghép các nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án có liên quan của đơn vị để thực hiện.

Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện Chiến lược.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch hành động, xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể ở địa phương.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, tỉnh, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương. Bố trí, huy

động, lồng ghép các nguồn lực; tăng cường thu hút tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Xây dựng các đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT). Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh biết để chỉ đạo thực hiện./ *AR*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT_{Ph.} *TC*

(B/cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM; CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động số: **57** /KH-UBND ngày **30 / 3** /2022 của UBND tỉnh)

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|-----------------------------------|---|----------------------|
| I | CÔNG TÁC QUY HOẠCH, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHUNG VỀ ĐẤT ĐAI, TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG, THU HÚT ĐẦU TƯ | | | |
| 1 | Rà soát, tích hợp quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã | Năm 2022 |
| 2 | Hoàn thành quy hoạch vùng huyện | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên - Môi trường, Các sở, ngành liên quan | Năm 2022 |
| 3 | Tham mưu Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã | Năm 2022 |
| 4 | Tham mưu Chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài nguyên – Môi trường; Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Năm 2022 |

| | | | | |
|-----------|--|-----------------------|--|---------------------|
| 5 | Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Giai đoạn 2022-2025 |
| 6 | Tham mưu Đề án định hướng thu hút đầu tư trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh; các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| 7 | Tham mưu Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành địa phương liên quan | Năm 2022 |
| II | ĐẨY MẠNH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GẮN VỚI ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP; NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ SỨC CẠNH TRANH; PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SỐ | | | |
| 1 | Tham mưu ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040 | Sở Y tế | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Năm 2022 |
| 2 | Tham mưu ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021-2030 | Sở Công thương | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| 3 | Tham mưu ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình hành động | Sở Công thương | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |

| | | | | |
|------------|--|------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| | động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 | | | |
| 4 | Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Kết luận 168-KL/TU ngày 4/11/2022 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| 5 | Tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia về chuyển đổi Hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| 6 | Tham mưu xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu về chăn nuôi trên địa bàn tỉnh | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| 7 | Triển khai thực hiện Đề án khuyến khích phát triển cây dược liệu gắn với chương trình OCOP tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2026 |
| III | PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ | | | |

| | | | | |
|---|---|-------------------------------------|---|---------------------|
| 1 | Tham mưu UBND tỉnh ban hành và thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030 | Sở Khoa học - Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2030 |
| 2 | Tham mưu giải pháp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nông, lâm, thủy sản hướng đến nền nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái gắn với cuộc cách mạng CN 4.0 và nông nghiệp số, kinh tế số | Sở Khoa học - Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2030 |
| 3 | Tham mưu triển khai chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Khoa học công nghệ; Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2025 |
| 4 | Tham mưu triển khai kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2030 |
| 5 | Tham mưu Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Năm 2022 |
| 6 | Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Đề án của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2025 |
| 7 | Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi số trong nông | Sở Nông nghiệp và | Các Sở, ngành, địa | Giai đoạn |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|---|---------------------|
| | ng nghiệp và PTNT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 | PTNT | phương liên quan; | 2022-2025 |
| 8 | Triển khai thực hiện chương trình nông dân khởi nghiệp | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2030 |
| IV | PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT CÁC VÙNG, KHU KINH TẾ, KẾT NỐI NÔNG THÔN – ĐÔ THỊ; ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH | | | |
| 1 | Tham mưu thực hiện có hiệu quả Kế hoạch quản lý khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2025 |
| 2 | Tham mưu chính sách về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Liên minh HTX; các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 |
| 3 | Tham mưu Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị cho một số sản phẩm chủ lực của tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Năm 2022 |
| 4 | Tham mưu Kế hoạch đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX và các ngành địa phương | Năm 2022 |
| V | PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, XÂY DỰNG XÃ HỘI NÔNG THÔN VĂN MINH, HIỆN ĐẠI | | | |

| | | | | |
|---|--|----------------------------------|---|---------------------|
| 1 | Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 4/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Sở Nông nghiệp và PTNT | Văn phòng điều phối nông thôn mới; Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2025 |
| 2 | Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2022-2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở, ngành, địa phương liên quan; | Giai đoạn 2022-2025 |
| 3 | Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 | Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| 4 | Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng NTM, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2022-2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| 5 | Tham mưu ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |

| | | | | |
|-----------|--|-----------------------------|---|----------------------|
| | đến năm 2045 | | | |
| 6 | Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài Nguyên – Môi trường; các Sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2025 |
| IV | QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI, CẢNH QUAN | | | |
| 1 | Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Tài Nguyên và Môi trường | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| | Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định 524/QĐ-TTg ngày 1/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở, ngành, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022- 2025 |
| 2 | Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Tài Nguyên và Môi trường | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| 3 | Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Tài Nguyên và Môi trường | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |

| | | | | |
|------------|--|------------------------|---|---------------------|
| 4 | Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| 5 | Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| 6 | Tham mưu triển khai kế hoạch hành động thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 trong lĩnh vực nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài nguyên – Môi trường; Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| 7 | Tham mưu thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022-2030 |
| VII | ĐỔI MỚI NÂNG CAO NĂNG LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT | | | |
| 1 | Tham mưu chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên | Sở Nội vụ | Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính; các sở, ngành, đơn vị, địa phương | Năm 2023 |

| | gia đầu ngành về lĩnh vực nông nghiệp | | liên quan | |
|---|---|---|--|-----------------------|
| 2 | Tham mưu ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài chính; Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Năm 2022 |
| 3 | Thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Xây dựng và thực hiện quả Phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước thuộc ngành | Sở Nông nghiệp và PTNT; các cơ quan đơn vị trực thuộc ngành | Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan | Giai đoạn 2022 - 2030 |